

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 02 – 2023
V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trương Ngọc Điệp;
2. Bà Lê Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2023 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Út T, trú tại: Ấp 2A, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt) **2. Bị đơn:** Ông Lương Văn H, sinh năm 1982, trú tại: Ấp Thị Tứ, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hồ Thị Út T trình bày:

Bà và ông Lương Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và

đăng ký kết hôn tại thị trấn BN vào năm 2018. Thời gian đầu bà và ông H chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H không quan tâm, chăm sóc gia đình, bất đồng quan điểm sống. Bà cũng đã khuyên nhủ Nghiều lần để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ đó, hai người không còn tìm được tiếng nói chung, ông bà đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lương SN (nữ), sinh ngày 29/7/2019, đang chung sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu SN, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lương Văn H không đến Tòa án và cũng không có ý kiến về việc bà Út T xin ly hôn mặc dù ông H đã nhận được thông báo thụ lý, thông báo H giải và cũng không đến dự phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án

Tại phiên tòa, bà Út T vắng mặt, có đơn xin yêu cầu vắng mặt. Ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, H giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Út T; Về con chung: Giao cháu Lương SN (nữ), sinh ngày 29/7/2019 cho bà Hồ Thị Út T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông H chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Hồ Thị Út T và ông Lương Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại thị trấn BN, huyện Châu Thành A vào năm 2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do đó, bà Út T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Văn H và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Thị Út T và ông Lương Văn H vắng mặt, phía bà Út T đã có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông Lương Văn H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông H, bà Út T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Út T: Bà Út T và ông H chung sống với nhau và kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông H không quan tâm chăm sóc, nuôi dạy con chung nên cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc. Bà Út T có đơn yêu cầu xin ly hôn, ông H cũng không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không tham gia phiên H giải do Tòa án tổ chức, cũng không đến dự phiên tòa để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Út T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Út T được ly hôn với ông Lương Văn H.

[3.2] Về con chung: Bà Hồ Thị Út T và ông Lương Văn H có 01 con chung là cháu Lương SN (nữ), sinh ngày 29/7/2019, cháu Nghi hiện đang chung sống với bà Út T, bà Út T có nguyện vọng sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nghi và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Nghi cũng như ổn định cuộc sống cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Út T, giao cháu Nghi cho bà Út T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà Út T không yêu cầu cấp dưỡng nên ông H chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con chung. Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Út T khai không có tài sản chung và nợ chung, ông H chưa có ý kiến về vấn đề nợ chung và tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử tách phần này ra chưa giải quyết. Sau này, nếu phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Bà Hồ Thị Út T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Út T đối với ông Lương Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 10/10/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn BN, huyện Châu Thành A cấp cho ông Lương Văn H và bà Hồ Thị Út T không còn giá trị pháp lý

2. Về con chung: Giao cháu Lương SN (nữ), sinh ngày 29/7/2019 cho bà Hồ Thị Út T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Lương Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị Út T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Út đã nộp theo biên lai số 0012239 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Xuân – Trương Ngọc Diệp

Mạc Thị Chiên